



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAI NGUYEN UNIVERSITY

ISSN 1859 - 2171

TẠP CHÍ
KHOA HỌC
&
CÔNG NGHỆ
JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 179, số 03, 2018

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Nghiêm Thị Hồ Thu - Cơ sở hình thành đặc điểm văn xuôi Ngọc Giao	3
Vũ Thị Hạnh - Từ ý thức về phái tính đến hình tượng người phụ nữ hiện đại trong tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XXI	9
Phạm Thị Ngọc Anh - Ứng dụng hoa văn thủy ba trong điêu khắc tượng đài đương đại ở Việt Nam	15
Phùng Phương Nga, Đoàn Đức Hải - Biểu tượng trong tiểu thuyết Nguyễn Xuân Khánh (Khảo sát qua <i>Hồ Quý Ly, Mẫu thượng ngàn, Đội gạo lên chùa</i>)	21
Vũ Thúy Hằng, Đoàn Thị Hồng Nhung - Luận bản về cách phân loại tín ngưỡng thờ Mẫu	25
Phạm Văn Hùng, Nguyễn Huy Hùng, Nguyễn Thị Thu Hương - Đại học Thái Nguyên với hoạt động đánh giá đầu ra của chương trình đào tạo qua mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp	31
Hoàng Duy Trường - Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất cho sinh viên trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên	37
Hoàng Thu Thủy, Lý Trung Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh – người đặt nền móng cho quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào, Lào – Việt Nam	45
Trần Thị Lan - Vận dụng thuyết kiến tạo trong dạy học “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin” ở các trường đại học	49
Nguyễn Thanh Tú - Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh tại trường Đại học Giao thông Vận tải, cơ sở đào tạo Thái Nguyên	55
Nguyễn Thị Hoài Thu - Một số phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển kỹ năng nói tiếng Việt một cách hiệu quả cho học viên quốc tế tại Học viện Kỹ thuật Quân sự	61
Ngô Thị Lan Anh, Võ Văn Trí - Sự cần thiết của việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sinh thái cho thanh niên ở thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	67
Lê Văn Hiếu - Công tác tuyên truyền qua mô hình “ban tuyên vận” xã, phường, thị trấn và “tổ tuyên vận” thôn, bản, tổ dân phố ở huyện Bắc Hà (tỉnh Lào Cai)	73
Trần Hoàng Tinh, Trần Văn Khánh, Nguyễn Trung Kiên - Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục tính kỷ luật cho sinh viên tại trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh trong giai đoạn hiện nay	79
Nguyễn Mai Anh, Nguyễn Thị Hoàng Lan - Đổi mới nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình đào tạo cử nhân giáo dục chính trị của trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới	85
Đỗ Thị Ngọc Phương, Trần Thị Thảo - Phát huy thế mạnh đề án trong ngôn ngữ viết được sử dụng bởi sinh viên chuyên ngữ năm 2, trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	91
Vũ Đình Bắc, Lý Mai Hương, Hoàng Thị Hồng Hạnh - Sử dụng hoạt động nhóm để nâng cao kỹ năng nói cho sinh viên chuyên ngữ năm nhất trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	97
Nguyễn Thị Hằng, Lê Thị Quỳên, Nguyễn Lệ Mai, Vũ Thị Lệnh - Tổ chức học trải nghiệm chủ đề “sâu, bệnh hại cây trồng” (Công nghệ 10 - THPT)	103
Nguyễn Thị Khương - Vận dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trung học phổ thông	109
Lại Thu Uyên, Vũ Đình Bắc, Nguyễn Thành Long - Nâng cao ngữ pháp cho sinh viên chuyên ngữ năm 3 trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên thông qua kiểm tra chéo	115
Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Hà Thị Như Quỳnh - Sử dụng kỹ thuật bắt chước trong việc nâng cao khả năng nói tiếng Anh của sinh viên năm 2 không chuyên trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	121

Nguyễn Nam Hà, Nguyễn Thị Thủy - Đánh giá thực trạng thể chất của sinh viên Đại học Thái Nguyên	127
Vũ Thị Thanh Thủy, Chu Văn Trung, Cao Thùy Linh - Nghiên cứu thực trạng và tiềm năng phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên	133
Trần Thị Ngọc Hà - Nghiên cứu mô hình kinh tế nông hộ nhằm quản lý và sử dụng đất dốc bền vững tại vùng trồng chè La Bằng, Đại Từ, Thái Nguyên	139
Nguyễn Văn Tâm, Hà Thị Hòa, Bùi Thị Minh Hà, Lê Thị Hoa Sen, Đặng Thị Hương - Ảnh hưởng của yếu tố nguồn lực đến đa dạng sinh kế nông hộ trồng chè trên địa bàn huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	143
Hoàng Văn Hải, Hoàng Thị Thu Hằng - Ảnh hưởng của phân bón đến năng suất lúa tại Thái Nguyên	149
Đặng Thương Hoài Linh, Lý Thu Trang - Bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng theo pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam	155
Đỗ Tuyết Ngân - Vai trò của phụ nữ trong phát triển du lịch cộng đồng ở thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái	163
Vũ Thị Thu - Đánh giá sự thay đổi sử dụng đất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu tại huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	169
Phạm Thị Thanh Mai, Trần Lệ Kim, Nguyễn Thị Lan - Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất chè tại thành phố Thái Nguyên	175
Nguyễn Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thị Thu Thủy - Đánh giá hiệu quả của các loại hình sử dụng đất nông nghiệp xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	181
Đặng Quỳnh Trinh, Trần Văn Hùng - Công tác kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	187

ẢNH HƯỞNG CỦA YẾU TỐ NGUỒN LỰC ĐẾN ĐA DẠNG SINH KẾ NÔNG HỘ TRỒNG CHÈ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyễn Văn Tâm^{1*}, Hà Thị Hòa¹, Bùi Thị Minh Hà¹,
Lê Thị Hoa Sen², Đặng Thị Hương³

¹Trường Đại học Nông Lâm – ĐHTN; ²Trường Đại học Nông Lâm – ĐHTH; ³Học viện Chính trị khu vực I

²Trường Đại học Nông Lâm – ĐHTH; ³Học viện Chính trị khu vực I

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm tìm hiểu đa dạng sinh kế của nông hộ trồng chè trên địa bàn huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Nghiên cứu được thực hiện tại 3 xã, thị trấn bao gồm xã An Khánh, xã Quân Chu, thị trấn Hùng Sơn. Kết quả nghiên cứu cho thấy đa dạng sinh kế của nông hộ trồng chè có sự khác nhau giữa khu vực và điều kiện kinh tế hộ (hộ nghèo, hộ trung bình). Nghiên cứu cũng chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng sinh kế nông hộ trồng chè, gồm: Giới tính của chủ hộ, số lao động của gia đình, diện tích canh tác chè, hoạt động sản xuất chuyên canh, và vốn đầu tư.

Từ khóa: Yếu tố nguồn lực, hoạt động canh tác, đa dạng sinh kế, nông hộ trồng chè, Đại Từ.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại Từ là một huyện miền núi nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Thái Nguyên. Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 57.415,73 ha. Huyện Đại Từ được thiên nhiên ưu đãi về đất đai với diện tích đất chủ yếu là đồi núi thấp, khí hậu nhiệt đới, nguồn nước phong phú... rất phù hợp cho phát triển nông nghiệp. Năm 2016, Đại Từ là huyện có diện tích lúa và diện tích chè lớn nhất tỉnh (lúa 12500 ha, chè trên 5000 ha), giá trị sản xuất nông nghiệp của huyện đạt 1860 tỷ đồng. Nguồn sinh kế chủ yếu của nông hộ trên địa bàn huyện Đại Từ là từ nông nghiệp, đặc biệt là từ cây chè, cây lúa [1].

Đa dạng hóa sinh kế nông hộ là tiến trình nông hộ xây dựng chiến lược đa dạng các hoạt động sinh kế và năng lực hỗ trợ xã hội nhằm duy trì hoặc cải thiện cuộc sống của họ. Đa dạng các hoạt động tạo thu nhập được xem là một trong các chiến lược sinh kế giảm rủi ro do các hiểm họa tự nhiên và biến động kinh tế-xã hội, hướng đến phát triển bền vững của nông hộ [2].

Nghiên cứu này được thực hiện với hai mục tiêu: (1) Đánh giá đa dạng sinh kế của nông hộ trồng chè trên địa bàn huyện Đại từ theo phân loại kinh tế hộ (hộ nghèo, hộ trung

binh); (2) Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến đa dạng sinh kế của nông hộ trồng chè.

NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nội dung nghiên cứu

- Xác định chỉ số đa dạng sinh kế của nông hộ trồng chè trên địa bàn huyện Đại Từ theo phân loại kinh tế hộ.

- Xác định các yếu tố nguồn lực ảnh hưởng đến đa dạng sinh kế của nông hộ trồng chè trên địa bàn huyện Đại Từ.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu

Dựa vào các nguồn số liệu thứ cấp, tác giả lựa chọn ba xã, thị trấn (xã An Khánh, xã Quân Chu, thị trấn Hùng Sơn) đại diện cho ba tiểu vùng sinh thái của huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đối với mỗi xã, thị trấn, tác giả lựa chọn 2 nhóm hộ (hộ nghèo, hộ trung bình) để điều tra. Với mỗi nhóm hộ (hộ nghèo, hộ trung bình), tác giả lựa chọn ngẫu nhiên trên 3 thôn của mỗi xã. Số lượng mẫu được tính theo công thức Slovin [3]:

$$\text{Công thức: } n = \frac{N}{1 + N \cdot e^2}$$

Trong đó: n là kích cỡ mẫu, N: Tổng số hộ, e: khoảng tin cậy (10%)

* Tel: 0986 879 896; Email: nguyenvantamkn@gmail.com

Bảng 1. Mô tả các biến trong mô hình

Tên biến	Mô tả
Gioitinh	Giới tính của chủ hộ, giá trị bằng 0 nếu là nam, bằng 1 nếu là nữ
Daotaonghe	Đào tạo nghề, nhận giá trị bằng 0 nếu tham gia đào tạo tập huấn trong 2 năm (2015-2016), bằng 1 nếu không tham gia.
Solaodong	Số lao động của gia đình (ĐVT: người)
Dientichdat	Diện tích đất canh tác chè (ĐVT: ha/hộ)
Chuyencanh	Chuyên canh chè, nhận giá trị bằng 0 nếu chuyên canh, nhận giá trị bằng 1 nếu không chuyên canh
Vontaichinh	Vốn tài chính là khoản tiền gia đình có (năm 2016) để thực hiện các hoạt động sản xuất

Nghiên cứu kết hợp phương pháp thu thập số liệu định tính và định lượng. Trong đó, phương pháp điều tra theo bảng hỏi được sử dụng để thu thập thông tin và phỏng vấn chuyên sâu được thực hiện để tìm hiểu kỹ thông tin cần thiết

Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Chỉ số đa dạng sinh kế (IHHD) phản ánh sự đa dạng hoạt động sinh kế ở cấp độ nông hộ được đo lường bởi công thức [4]:

$$\text{Công thức: } IHHD_i = 1/\sum P_i^2$$

Trong đó: P_i là tỷ trọng của thu nhập I trong tổng thu nhập nông hộ, giá trị I biến động từ 1 đến n ; $n=1$ là chỉ số đa dạng sinh kế nhỏ nhất khi nông hộ chỉ có một nguồn thu nhập; n càng xa 1 thì chỉ số đa dạng hóa sinh kế thu nhập của nông hộ càng cao.

Do chỉ số đa dạng sinh kế biến động trong giới hạn chận nên để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chỉ số đa dạng sinh kế, tác giả sử dụng mô hình hồi quy Tobit.

Mô hình hồi quy Tobit có dạng: $Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_i X_i + e_i$

Trong đó, Y là biến phụ thuộc - chỉ số đa dạng sinh kế của nông; β_0 là hằng số; β_i là các hệ số hồi quy; e_i là sai số ngẫu nhiên; X_i là các biến độc lập ảnh hưởng đến chỉ số đa

dạng sinh kế của nông hộ, được thể hiện qua bảng 1.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Thống kê mô tả các biến

Các giá trị thống kê ở bảng 2 mô tả chi tiết thông tin về các nông hộ điều tra như giới tính của chủ hộ, tham gia đào tạo tập huấn, số lao động của nông hộ, diện tích đất canh tác chè, tình trạng chuyên canh chè, vốn tài chính của nông hộ.

Bảng 2 cho thấy, giới tính của chủ hộ có mức trung bình là 0,12 điều này có nghĩa là giới tính của chủ hộ tập trung ở nam giới nhiều hơn. Cụ thể, trong số 91 hộ được điều tra thì có 80 chủ hộ gia đình là nam giới chiếm 78%, 11 chủ hộ là nữ chiếm 12%. Số lao động của 91 nông hộ trong mẫu điều tra ở mức thấp, với mức nhỏ nhất là 1 người và lớn nhất là 3 người, số lượng lao động trung bình của các hộ là 1,66 người. Bảng 2 cũng cho thấy, trong số 91 hộ điều tra, diện tích canh tác chè trung bình của mỗi hộ là 1631,01 m², hộ có diện tích ít nhất là 360 m², trong khi đó hộ có diện tích lớn nhất là 2880 m². Vốn tài chính đầu tư của các hộ điều tra trung bình ở mức 40,35 triệu VNĐ, với giá trị nhỏ nhất là 12,60 triệu VNĐ và giá trị lớn nhất là 78 triệu VNĐ.

Bảng 2. Thống kê mô tả các biến

Tên biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Độ lệch chuẩn
Gioitinh	91	0,12	0	1	0,33
Daotao	91	0,25	0	1	0,44
Solaodong	91	1,66	1	3	0,62
Dientichdat	91	1631,01	360,00	2880,00	526,87
Chuyencanh	91	0,60	0	1	0,49
Vontaichinh	91	40,35	12,60	78,00	16,79

Chỉ số đa dạng sinh kế của nông hộ trồng chè trên địa bàn huyện Đại Từ**Bảng 3.** Chỉ số đa dạng sinh kế nông hộ trồng chè trên địa bàn huyện Đại Từ năm 2017

Xã/thị trấn	Phân loại kinh tế hộ	Số mẫu theo dõi	Chỉ số đa dạng sinh kế (IHHD)
Thị trấn Hùng Sơn	Hộ nghèo	8	1,49 ^{bc*}
Thị trấn Hùng Sơn	Hộ trung bình	22	1,74 ^a
Xã An Khánh	Hộ nghèo	10	1,46 ^c
Xã An Khánh	Hộ trung bình	23	1,69 ^{ab}
Xã Quân Chu	Hộ nghèo	11	1,38 ^d
Xã Quân Chu	Hộ trung bình	17	1,55 ^b

*Những chữ cái giống nhau trong cùng một cột là không có sự sai khác

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nông hộ trồng chè trên địa bàn thị trấn Hùng Sơn và xã An Khánh có IHHD cao hơn so với nhóm nông hộ cùng điều kiện kinh tế (hộ nghèo, hộ trung bình) trên địa bàn xã Quân Chu. Điều này được giải thích bởi: Bên cạnh nguồn thu nhập chính từ sản xuất nông nghiệp, nông hộ trồng chè trên địa bàn thị trấn Hùng Sơn và xã An Khánh còn có các nguồn thu nhập khác từ phi nông nghiệp. IHHD của nông hộ trồng chè trên địa bàn thị trấn Hùng Sơn và xã An Khánh là 1,49 và 1,46 đối với nhóm hộ nghèo; 1,74 và 1,69 đối với nhóm hộ trung bình. Khi phân tích IHHD của nông hộ cùng điều kiện kinh tế ở thị trấn Hùng Sơn và xã An Khánh, tác giả không nhận thấy sự sai khác có ý nghĩa. Điều này được giải thích bởi thị trấn Hùng Sơn là trung tâm của huyện, xã An Khánh là xã giáp thành phố Thái Nguyên nên bên cạnh hoạt động canh tác nông nghiệp, các hộ nông dân đa phần đều tham gia các hoạt động phi nông nghiệp.

IHHD của nông hộ trồng chè trên địa bàn xã Quân Chu tương đối thấp (1,38 đối với nhóm hộ nghèo và 1,55 đối với nhóm hộ trung bình), kết quả này được giải thích: Trên địa bàn xã Quân Chu, các hộ nông dân hầu như chỉ tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp nên sinh kế của họ phụ thuộc chính vào nguồn thu nhập này, điều này đồng nghĩa với chỉ số đa dạng sinh kế của nông hộ thấp. Kết quả này giống với kết quả nghiên cứu về đa dạng sinh kế nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long [2].

Bảng 3 cũng cho thấy, chỉ số đa dạng sinh kế của nhóm hộ nghèo luôn thấp hơn so với chỉ số đa dạng sinh kế của nhóm hộ trung bình. Điều này được giải thích bởi những hộ nghèo họ chỉ tập trung vào sản xuất nông nghiệp, không tham gia các hoạt động tạo sinh kế khác.

Các yếu tố nguồn lực ảnh hưởng đến đa dạng sinh kế của nông hộ trồng chè trên địa bàn huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Đa dạng sinh kế của nông hộ bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, gồm: Giới tính của chủ hộ, số lao động chính, diện tích canh tác chè, hoạt động sản xuất chuyên canh, và vốn đầu tư.

Bảng 4. Kết quả mô hình hồi quy Tobit về các yếu tố nguồn lực ảnh hưởng đến đa dạng sinh kế của nông hộ trồng chè

Các biến độc lập	Hệ số hồi quy	P-value
Hằng số	1,037	0,000
Gioitinh	-0,085	0,026**
Daotao	-0,019	0,530 ^{ns}
Solaodong	0,039	0,069*
Dientichdat	-0,037	0,018**
Chuyencanh	0,073	0,027**
Vontaichinh	0,008	0,000***
Log Likelihood	76,06	

(***) ý nghĩa 1%, (**) ý nghĩa 5%, (*) ý nghĩa 10%, (^{ns}) không ý nghĩa.

Kết quả bảng 4 cho thấy đa dạng sinh kế nông hộ trồng chè cao hơn ở những hộ có: Số lao động của nông hộ nhiều, không chuyên canh (canh tác chè - lúa) và vốn tài chính lớn. Điều này được giải thích: Các yếu tố như số lao động nhiều, vốn tài chính lớn... sẽ thúc đẩy

các nông hộ thực hiện thêm các hoạt động phi nông nghiệp bên cạnh việc sản xuất nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu này trùng với kết quả nghiên cứu về đa dạng hóa thu nhập của nông hộ ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long [5]. Ngược lại, đa dạng sinh kế của nông hộ trồng chè thấp hơn ở những hộ có chủ hộ là nữ, những hộ chuyên canh chè và những hộ có diện tích canh tác chè lớn. Điều này được giải thích bởi: Những hộ có chủ hộ là nữ thường là những hộ thiếu hụt về lao động và thiếu hụt về nguồn vốn tài chính nên họ không có đủ nguồn lực để tham gia các hoạt động phi nông nghiệp, thu nhập của các nông hộ này hoàn toàn phụ thuộc vào hoạt động sản xuất nông nghiệp. Đối với những hộ chuyên canh chè và những hộ có diện tích canh tác chè lớn, đây là những hộ sản xuất chè ở trình độ cao, họ chỉ tập trung vào hoạt động sản xuất chè mà không tham gia các hoạt động phi nông nghiệp.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

IHHD của nông hộ trồng chè trên địa bàn huyện Đại Từ khác nhau giữa các xã, thị trấn. IHHD cao hơn ở các xã gần thành phố Thái Nguyên (xã An Khánh), ở thị trấn (thị trấn Hùng Sơn) và thấp hơn ở các xã xa trung tâm (xã Quân Chu).

Đa dạng sinh kế của nông hộ trồng chè bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố nguồn lực. Trong đó, đa dạng sinh kế cao hơn ở các hộ có: Số lao

động của nông hộ nhiều, không chuyên canh (canh tác chè - lúa) và vốn tài chính lớn. Ngược lại, đa dạng sinh kế thấp hơn ở các hộ có chủ hộ là nữ, những hộ chuyên canh chè và những hộ có diện tích canh tác chè lớn.

Kiến nghị

Cần nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố nguồn lực đến đa dạng sinh kế của nông hộ trồng chè tại các xã khác trên địa bàn huyện Đại Từ ở các đối tượng nông hộ khác nhau để có kết luận đa chiều hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lương Thị Phương Nga (2017), *Thu hút vốn để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa ở huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên*, Luận văn thạc sỹ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh, ĐH Thái Nguyên.
2. Võ Văn Tuấn (2015), “Ảnh hưởng của nguồn lực đến đa dạng sinh kế nông hộ ở đồng bằng Sông Cửu Long”, *Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn*, 2(5), tr. 3-10.
3. Hồ Kiệt, Trần Văn Hòa, Hồ Nhật Linh (2017), “Ảnh hưởng của công tác giải phóng mặt bằng đến sinh kế của người dân bị thu hồi đất tại khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định”, *Tạp chí Khoa học - Đại học Huế*, 126(3), tr. 195-205
4. Nguyen Van Kien (2011), *Social capital, livelihood diversification and household resilience to annual flood events in the Vietnamese Mekong River Delta*, The Australian National University, Acton 0200, Canberra, Australia.
5. Hứa Thị Phương Chi, Nguyễn Minh Đức (2016), “Những nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long”, *Tạp chí Khoa học- Đại học Văn Hiến*, 4(3), tr. 46-54.

SUMMARY

IMPACT OF RESOURCE FACTORS ON LIVELIHOOD DIVERSIFICATION OF TEA GROWING HOUSEHOLDS IN DAI TU DISTRICT, THAI NGUYEN PROVINCE

Nguyen Van Tam^{1*}, Ha Thi Hoa¹, Bui Thi Minh Ha¹,
Le Thi Hoa Sen², Dang Thi Huong³

¹TNU University of Agriculture and Forestry;

²Hue University of Agriculture and Forestry; ³Academy of Politics Region I

The study aimed to understand the livelihood diversification of tea growing households in Dai Tu district, Thai Nguyen province. The study was conducted in 3 communes, including An Khanh commune, Quan Chu commune, Hung Son town. The results showed that the variation in livelihoods of tea farmers differs between regions as well as household economic conditions (poor households, middle-income households). The study also revealed the factors that affect the livelihood diversification of the tea growers, including the gender of the household head, educational level, the number of family labor, cultivated tea area, specialized production, and investment capital.

Keywords: *Resource factors, farming activity, livelihood diversification, tea farmers, Dai Tu.*

Ngày nhận bài: 29/01/2018; Ngày phản biện: 22/02/2018; Ngày duyệt đăng: 12/3/2018

* Tel: 0986 879 896; Email: nguyenvantamkn@gmail.com

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Nghiêm Thi Ho Thu - Formation basis of Ngọc Giao's prose characteristics	3
Vu Thi Hanh - From new consciousness of gender characteristics to new women in Vietnamese novels at the beginning of 21 st century	9
Phạm Thi Ngọc Anh - Applications of water-wave icons on contemporary sculpture of monuments in Viet Nam	15
Phung Phuong Nga, Doan Duc Hai - Symbols in Nguyen Xuan Khanh's novels (the cases of novels <i>Hồ Quý Ly</i> , <i>Mẫu thượng ngàn</i> , and <i>Đội gạo lên chùa</i>)	21
Vu Thuy Hang, Doan Thi Hong Nhung - Discussion on classification of the motherworship religion	25
Phạm Văn Hưng, Nguyễn Huy Hưng, Nguyễn Thị Thu Hương - Thai Nguyen University's assessment of program learning outcomes through the assessment of senior students near their completion of their undergraduate degree	31
Hoàng Duy Tuong - Solutions to enhance physical education efficiency for students at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy – Thai Nguyen University	37
Hoàng Thu Thuy, Ly Trung Thanh - Nguyen Ai Quoc – Ho Chi Minh – who set the foundation for the special relationship between Vietnam and Laos	45
Trần Thị Lan - Applying the tectonic theory to teaching "the basic principles of the Marxism - Leninism" in universities	49
Nguyễn Thanh Tu - Some solutions to enhance the quality of teaching and learning English at University of Transport Technology, Thai Nguyen Campus	55
Nguyễn Thị Hoài Thu - Methods of active teaching for efficient development of Vietnamese speaking skill for foreign students at Military Technical Academy	61
Ngô Thị Lan Anh, Võ Văn Tri - Necessity of educating the consciousness of ecological environment protection for youth in Long Xuyen city, An Giang province	67
Le Van Hieu - Communications projected by the model "propaganda department" in communes, wards, township and "commander" in villages, cities in Bac Ha district (Lao Cai province)	73
Trần Hoàng Tinh, Trần Văn Khanh, Nguyễn Trung Kiên - Strengthen examination and evaluation of disciplinary education activities for students at national defense and security education centers in the current phase	79
Nguyễn Mai Anh, Nguyễn Thị Hoàng Lan - Renovation of legal education content in the bachelor's degree program in political education of Thai Nguyen University of Education to meet the requirements of the new general education curriculum	85
Đo Thị Ngọc Phương, Trần Thị Thảo - Project power in the study of the English written language used by the second-year English majors at Thai Nguyen University of Education	91
Vu Đình Bắc, Ly Mai Hương, Hoàng Thị Hồng Hạnh - Using group-work activities to improve English speaking skill for the first year English majors at Thai Nguyen University of Education	97
Nguyễn Thị Hằng, Lê Thị Quyên, Nguyễn Lê Mai, Vu Thị Lenh - Organizing the experiential learning in teaching the theme "pests and disease of plants" (Technology 10 in high school)	103
Nguyễn Thị Khuong - Applying the flipped classroom model in teaching citizen education subject in high school	109
Lai Thu Uyên, Vu Đình Bắc, Nguyễn Thanh Long - Enhance grammar of third-year students of English major through peer check at Thai Nguyen University of Education	115
Nguyễn Thị Hồng Chuyền, Hà Thị Nhu Quỳnh - Imitation technique in improving 2 nd year non-English major students' oral competence discourse at Thai Nguyen University of Education	121

Nguyen Nam Ha, Nguyen Thi Thuy - Assessment on physical condition of students at Thai Nguyen University	127
Vu Thi Thanh Thuy, Chu Van Trung, Cao Thuy Linh - Research on the current and potential developments of Thai Nguyen tourism industry	133
Tran Thi Ngoc Ha - Researching household economy model for sustainable management and use on sloping land in tea growing areas in La Bang commune, Dai Tu district, Thai Nguyen province	139
Nguyen Van Tam, Ha Thi Hoa, Bui Thi Minh Ha, Le Thi Hoa Sen, Dang Thi Huong - Impact of resource factors on livelihood diversification of tea growing households in Dai Tu district, Thai Nguyen province	143
Hoang Van Hai, Hoang Thi Thu Hang - The effects of fertilizers on rice yield in Thai Nguyen	149
Dang Thuong Hoai Linh, Ly Thu Trang - The international and Vietnamese laws on protection of well-known trademarks	155
Do Tuyen Ngan - The role of women with community based tourism development in Nghia Lo town, Yen Bai province	163
Vu Thi Thu - Assessing the agricultural land use change under the climate change context in Giao Thuy district, Nam Dinh province	169
Pham Thi Thanh Mai, Tran Le Kim, Nguyen Thi Lan - Enhancing the application of science and technology advances into tea production in Thai Nguyen city	175
Nguyen Thi Bich Hanh, Nguyen Thi Thu Thuy - Assessment of efficiency of agricultural land use in Yen Phuc commune, Van Quan district, Lang Son province	181
Dang Quynh Trinh, Tran Van Hung - Business income tax inspection for non-state enterprises in Pho Yen district, Thai Nguyen province	187